

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIANCO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIANCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIANCO GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIANCO GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109317340

3. Ngày thành lập: 24/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8, Phố Trần Vỹ, Tổ 13, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: vianco.td@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4513
2.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4530
3.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4541
4.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4543
6.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
9.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:- tư vấn về nông học - tư vấn về môi trường - Tư vấn về công nghệ khác	7490
10.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
12.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
13.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
14.	Xuất bản phần mềm	5820

15.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
16.	Xây dựng nhà để ở	4101
17.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
18.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
19.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
20.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
21.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
22.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
23.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
24.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thảm âm ;	2399
25.	Lập trình máy vi tính	6201
26.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
27.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
28.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
29.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
30.	Sản xuất sợi	1311
31.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
32.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
33.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
34.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
35.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
36.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
37.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
38.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
39.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
40.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
41.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669

42.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
43.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết:- Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản;	6820
44.	Đào tạo trung cấp	8532
45.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết:- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
47.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
48.	Quảng cáo	7310
49.	In ấn	1811
50.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
51.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
52.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
53.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640(Chính)
54.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
55.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết:- Đại lý bán hàng hóa	4610
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
57.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: -Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa ; -Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
58.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4511
59.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
60.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
62.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
63.	Bán buôn thực phẩm	4632
64.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
66.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
67.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
68.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
69.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
70.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
71.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
72.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
73.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của các sàn nhảy)	9329
74.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
75.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
76.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
77.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
78.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
79.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
80.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
81.	Trồng cây ăn quả	0121
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
83.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
84.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN CHIẾN THẮNG	86 phố Lê Mật, tổ 7, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.850.000	28.500.000.000	95,000	013226192	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.850.000	28.500.000.000	95,000		
2	NGUYỄN THỊ KIM LAN	21A, KVC Quân đội, Tổ 13, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	3,000	001184029664	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	3,000		

3	NGUYỄN CÔNG HỒI	số 66A, tổ dân phố 2, ngõ 14, đường Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	2,000	011493963
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	2,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN CHIẾN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/03/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013226192

Ngày cấp: 11/11/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 86 phố Lê Mật, tổ 7, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 86 phố Lê Mật, tổ 7, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội